

Số: 104./2026/VI-V21-DLHC

V/v: Đề nghị thông báo nhà ở xã hội đủ điều kiện được bán nhà ở hình thành trong tương lai (Đợt 2) tại dự án NOXH phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc).

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa

I. Thông tin về dự án

1. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Vinaconex 21 (hợp đồng uỷ quyền số 01/2024/HĐUQ-VI-V21-DLHC ngày 01/8/2024 của liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội).

2. Mã số doanh nghiệp: 0500236902; do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/05/2026.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Vinaconex 21, ngõ 804 đường Quang Trung, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 06/05/2026).

4. Tên dự án: Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc).

5. Địa điểm thực hiện dự án: Tại phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa); trên 02 khu đất ký hiệu CC3 và VP thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (được UBND thành phố Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 4873/QĐ-UBND ngày 23/6/2016).

II. Giấy tờ pháp lý của dự án

1. Thông tin pháp lý về hồ sơ thủ tục đầu tư của dự án

- Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

- Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp nhận nhà đầu tư Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội là nhà đầu

tư thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HTKD-VI-V21-DLHC ngày 08/03/2023 giữa Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội về việc Hợp tác đầu tư thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

- Hợp đồng ủy quyền số 01/2024/HĐUQ/VI-V21-DLHC ngày 01/08/2024 giữa Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội về việc Ủy quyền Công ty cổ phần Vinaconex 21 làm Chủ đầu tư thực hiện Dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500236902 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/05/2026 của Công ty cổ phần Vinaconex 21.

2. Thông tin pháp lý về hồ sơ quy hoạch, thiết kế, xây dựng của dự án

- Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 14/06/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Bản vẽ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại vị trí thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn theo quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 24/02/2020);

- Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực số 02, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở số 89 TKCS/2024/BC-KATEXCO ngày 8/9/2024 của Công ty cổ phần ứng dụng và phát triển công nghệ xây dựng KATEXCO về việc thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở dự án;

- Văn bản số 15/HĐXD-QLTK ngày 13/01/2025 của Cục quản lý hoạt động xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định BCNCKT dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Văn bản số 6543/SXD-QLHT ngày 05/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa về việc miễn giấy phép xây dựng đối với dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

- Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công số 87/VCC ngày 10/7/2025 của Công ty CP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC);

- Thông báo khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng số 161/2025/TB-V21 ngày 09/10/2025 của Công ty cổ phần Vinaconex 21;

- Biên bản số A2.2.01/HTGD ngày 18/4/2026 nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, Gói thầu: Thi công hạng mục móng, kết cấu thân, xây, trát hoàn thiện ngoài nhà và logia NOXH2.2 (Tòa A3), Đối tượng nghiệm thu: Móng NOXH2.2 (Tòa A3);

- Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng ngày 19/03/2026 của Đoàn kiểm tra Sở Xây dựng chủ trì thực hiện.

3. Thông tin pháp lý về đất đai.

- Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao đất và cho Công ty cổ phần Vinaconex 21 (đại diện Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội) thuê đất để thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.

III. Thông tin về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán

Dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc) được giao đất với tổng diện tích là 28.002,9 m², gồm hai lô đất Khu A và Khu B, mỗi khu được bố trí 02 toà nhà, mỗi toà cao 25 tầng tại Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (Nay là phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hoá), mỗi toà bao gồm: Tầng 1 được bố trí làm thương mại dịch vụ, ngoài ra một phần diện tích của tầng 1 cũng được bố trí cho các dịch vụ khác của toà nhà như: trực tầng, kỹ thuật điện, nước, kho, phòng sinh hoạt cộng đồng... Tầng 2-3 bố trí khu kỹ thuật và không gian để xe, từ tầng 4 đến tầng 25 là tầng căn hộ.

Trên lô đất Khu A: có diện tích 14.097,6m² xây dựng hai toà nhà cao 25 tầng NOXH1 (toà A1), NOXH2 (toà A2 và A3), với tổng diện tích sàn 124.013,3 m² và 1.232 căn hộ, chiều cao công trình 93m đồng bộ với hệ thống thang máy, thang bộ thoát hiểm, cấp điện, cấp thoát nước, phòng chống cháy nổ, thông tin liên lạc, vệ sinh môi trường.

Đến nay, NOXH2.2 (tòa A3) đã hoàn thành và được nghiệm thu phần móng. Do đó, Công ty cổ phần Vinaconex 21 Kính đề nghị Sở Xây dựng xem xét, xác nhận toà nhà ở xã hội nêu trên đủ điều kiện được bán nhà ở hình thành trong tương lai. Chi tiết như sau:

NOXH2.2 (Toà A3) khu A:

Công trình NOXH2 (toà A2 và A3) có quy mô chiều cao là 25 tầng, diện tích xây dựng 4.167,3m², tổng diện tích sàn xây dựng là 93.347,9m², bố trí 924 căn hộ

nhà ở xã hội. Từ tầng 4 đến tầng 25 được chia thành 02 khối tháp: NOXH2.1 (tòa A2) và NOXH2.2 (tòa A3).

Công trình NOXH2.2 (tòa A3) đề nghị mở bán 616 căn hộ nhà ở xã hội.

- Diện tích sử dụng căn hộ: các loại diện tích: 37,4m²; 37,6m²; 41,7m²; 42,1m²; 57m²; 57,3m²; 57,6m²; 68m²; 68,7m²; 69,1m²; 69,2m²; 69,4m²; 69,5m²; 69,7m²; 69,9m²/căn.

- Vị trí căn hộ: Từ tầng 4 đến tầng 25; Mã hình thức: CH01C-T4; CH01C-T5; CH01D-T4; CH01D-T5; CH01-T4; CH02D-T4; CH01-T5; CH02D-T5; CH02-T4; CH02-T5; CH06B-T4; CH06B-T5; CH06-T4; CH06-T5; CH07-T4; CH07-T5; CH08-T4; CH08-T5 (Chi tiết tại file đính kèm).

- Tình trạng công trình: Hoàn thành phần móng, biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng số A2.2.01/HTGD ngày 18/4/2026. Hiện tại, NOXH2.2 (tòa A3) đang thi công kết cấu dầm sàn tầng 4.

(Đính kèm là bảng biểu thông tin nhà ở hình thành trong tương lai NOXH2.2 (tòa A3), bao gồm: Số lượng căn hộ, loại căn hộ, mã căn hộ, vị trí, diện tích).

III. Điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai tại dự án đã đáp ứng để được bán

Dự án đã đáp ứng những điều kiện của nhà ở hình thành trong tương lai để được bán theo quy định, bao gồm:

- Về chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư:

+ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc);

+ Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa, về việc chấp nhận nhà đầu tư Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội là nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc).

- **Công trình đã khởi công xây dựng** (Thông báo khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng số 161/2025/TB-V21 ngày 09/10/2025).

- Về giấy tờ quyền sử dụng đất: Dự án đã có Quyết định giao đất

+ Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao đất và cho Công ty cổ phần Vinaconex 21 (đại diện Liên danh Công ty cổ phần Viet Incons - Công ty cổ phần Vinaconex 21 - Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hà Nội) thuê đất để thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa.

- Về Quy hoạch, thiết kế, xây dựng NOXH1 (Toà A1), NOXH2.1 (Toà A2) và NOXH2.2 (Toà A3).

+ Quyết định số 2271/QĐ-UBND ngày 14/06/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại vị trí thực hiện dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn theo quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 24/02/2020);

+ Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu vực số 02, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

+ Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở số 89 TKCS/2024/BC-KATEXCO ngày 8/9/2024 của Công ty cổ phần ứng dụng và phát triển công nghệ xây dựng KATEXCO về việc thẩm tra hồ sơ thiết kế cơ sở dự án;

+ Văn bản số 15/HĐXD-QLTK ngày 13/01/2025 của Cục quản lý hoạt động xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định BCNCKT dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

+ Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công số 87/VCC ngày 10/7/2025 của Công ty CP Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam (VCC);

- **Phần móng NOXH2.2 (Toà A3) đã hoàn thành.**

+ Biên bản số A2.2.01/HTGD ngày 18/4/2026 nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng, Gói thầu: Thi công hạng mục móng, kết cấu thân, xây, trát hoàn thiện ngoài nhà và logia NOXH2 (Tòa A3), Đối tượng nghiệm thu: Móng NOXH2.2 (Tòa A3);

+ Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng ngày 19/03/2026 của Đoàn kiểm tra Sở Xây dựng chủ trì thực hiện.

- Văn bản số 43/2026/VI-V21-DLHC ngày 31/3/2026 của Công ty cổ phần Vinaconex 21 về việc cam kết giải chấp trước khi ký hợp đồng mua bán căn hộ dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc).

- Sở Xây dựng Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa đã công khai thông tin về bất động sản, dự án bất động sản đưa vào kinh doanh thuộc dự án Nhà ở xã hội phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa (tại MBQH Khu ở và dịch vụ thuộc khu đô thị Bắc cầu Hạc).

- Các giấy tờ pháp lý và thông tin của dự án Công ty đã tiến hành đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

IV. Cam kết của Chủ đầu tư dự án

Chủ đầu tư cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật; chỉ thực hiện ký hợp đồng mua bán nhà ở xã hội hình thành trong tương lai khi đã có văn bản của Sở Xây dựng xác nhận đủ điều kiện bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định 96/2024/NĐ-CP và Luật Kinh doanh bất động sản 2023.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty (để b/c)
- Lưu: KHĐT, VT.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 21



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Huy Cường

PHỤ LỤC CHI TIẾT NOXH2.2 - TÒA A3
(Đính kèm Văn bản xin mở bán nhà ở hình thành trong tương lai)

Tổng số căn hộ tòa A3: 616 căn

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
Tầng 4 NOXH2.2 (Tòa A3)							
1	1	401	CH02-T4	68	2+1	2	2
2	2	402	CH02-T4	68	2+1	2	2
3	3	403	CH01-T4	69,5	2	2	2
4	4	404	CH01D-T4	69,2	2	2	2
5	5	405	CH01-T4	69,5	2	2	2
6	6	406	CH08-T4	37,4	1	1	1
7	7	407	CH01-T4	69,5	2	2	2
8	8	408	CH01-T4	69,5	2	2	2
9	9	409	CH01-T4	69,5	2	2	2
10	10	410	CH01-T4	69,5	2	2	2
11	11	411	CH06-T4	57	2	1	2
12	12	412	CH06B-T4	57	2	1	2
13	13	413	CH01-T4	69,5	2	2	2
14	14	414	CH02D-T4	68,7	2+1	2	2
15	15	415	CH07-T4	41,7	1	1	1
16	16	416	CH06-T4	57	2	1	2
17	17	417	CH01C-T4	69,4	2	2	2
18	18	418	CH01-T4	69,5	2	2	2
19	19	419	CH01-T4	69,5	2	2	2
20	20	420	CH01-T4	69,5	2	2	2
21	21	421	CH01-T4	69,5	2	2	2
22	22	422	CH01-T4	69,5	2	2	2
23	23	423	CH08-T4	37,4	1	1	1
24	24	424	CH01-T4	69,5	2	2	2
25	25	425	CH01D-T4	69,2	2	2	2
26	26	426	CH01-T4	69,5	2	2	2
27	27	427	CH02-T4	68	2+1	2	2
28	28	428	CH02-T4	68	2+1	2	2
Tầng 5 NOXH2.2 (Tòa A3)							
29	1	501	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
30	2	502	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
31	3	503	CH01-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
32	4	504	CH01D-T5	69,9	2	2	2
33	5	505	CH01-T5	69,9	2	2	2
34	6	506	CH08-T5	37,6	1	1	1
35	7	507	CH01-T5	69,9	2	2	2
36	8	508	CH01-T5	69,9	2	2	2
37	9	509	CH01-T5	69,9	2	2	2
38	10	510	CH01-T5	69,9	2	2	2
39	11	511	CH06-T5	57,6	2	1	2
40	12	512	CH06B-T5	57,3	2	1	2
41	13	513	CH01-T5	69,9	2	2	2
42	14	514	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
43	15	515	CH07-T5	42,1	1	1	1
44	16	516	CH06-T5	57,6	2	1	2
45	17	517	CH01C-T5	69,7	2	2	2
46	18	518	CH01-T5	69,9	2	2	2
47	19	519	CH01-T5	69,9	2	2	2
48	20	520	CH01-T5	69,9	2	2	2
49	21	521	CH01-T5	69,9	2	2	2
50	22	522	CH01-T5	69,9	2	2	2
51	23	523	CH08-T5	37,6	1	1	1
52	24	524	CH01-T5	69,9	2	2	2
53	25	525	CH01D-T5	69,9	2	2	2
54	26	526	CH01-T5	69,9	2	2	2
55	27	527	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
56	28	528	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 6 NOXH2.2 (Tòa A3)							
57	1	601	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
58	2	602	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
59	3	603	CH01-T5	69,9	2	2	2
60	4	604	CH01D-T5	69,9	2	2	2
61	5	605	CH01-T5	69,9	2	2	2
62	6	606	CH08-T5	37,6	1	1	1
63	7	607	CH01-T5	69,9	2	2	2
64	8	608	CH01-T5	69,9	2	2	2
65	9	609	CH01-T5	69,9	2	2	2
66	10	610	CH01-T5	69,9	2	2	2
67	11	611	CH06-T5	57,6	2	1	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
68	12	612	CH06B-T5	57,3	2	1	2
69	13	613	CH01-T5	69,9	2	2	2
70	14	614	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
71	15	615	CH07-T5	42,1	1	1	1
72	16	616	CH06-T5	57,6	2	1	2
73	17	617	CH01C-T5	69,7	2	2	2
74	18	618	CH01-T5	69,9	2	2	2
75	19	619	CH01-T5	69,9	2	2	2
76	20	620	CH01-T5	69,9	2	2	2
77	21	621	CH01-T5	69,9	2	2	2
78	22	622	CH01-T5	69,9	2	2	2
79	23	623	CH08-T5	37,6	1	1	1
80	24	624	CH01-T5	69,9	2	2	2
81	25	625	CH01D-T5	69,9	2	2	2
82	26	626	CH01-T5	69,9	2	2	2
83	27	627	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
84	28	628	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 7 NOXH2.2 (Tòa A3)

85	1	701	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
86	2	702	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
87	3	703	CH01-T5	69,9	2	2	2
88	4	704	CH01D-T5	69,9	2	2	2
89	5	705	CH01-T5	69,9	2	2	2
90	6	706	CH08-T5	37,6	1	1	1
91	7	707	CH01-T5	69,9	2	2	2
92	8	708	CH01-T5	69,9	2	2	2
93	9	709	CH01-T5	69,9	2	2	2
94	10	710	CH01-T5	69,9	2	2	2
95	11	711	CH06-T5	57,6	2	1	2
96	12	712	CH06B-T5	57,3	2	1	2
97	13	713	CH01-T5	69,9	2	2	2
98	14	714	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
99	15	715	CH07-T5	42,1	1	1	1
100	16	716	CH06-T5	57,6	2	1	2
101	17	717	CH01C-T5	69,7	2	2	2
102	18	718	CH01-T5	69,9	2	2	2
103	19	719	CH01-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
104	20	720	CH01-T5	69,9	2	2	2
105	21	721	CH01-T5	69,9	2	2	2
106	22	722	CH01-T5	69,9	2	2	2
107	23	723	CH08-T5	37,6	1	1	1
108	24	724	CH01-T5	69,9	2	2	2
109	25	725	CH01D-T5	69,9	2	2	2
110	26	726	CH01-T5	69,9	2	2	2
111	27	727	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
112	28	728	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 8 NOXH2.2 (Tòa A3)							
113	1	801	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
114	2	802	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
115	3	803	CH01-T5	69,9	2	2	2
116	4	804	CH01D-T5	69,9	2	2	2
117	5	805	CH01-T5	69,9	2	2	2
118	6	806	CH08-T5	37,6	1	1	1
119	7	807	CH01-T5	69,9	2	2	2
120	8	808	CH01-T5	69,9	2	2	2
121	9	809	CH01-T5	69,9	2	2	2
122	10	810	CH01-T5	69,9	2	2	2
123	11	811	CH06-T5	57,6	2	1	2
124	12	812	CH06B-T5	57,3	2	1	2
125	13	813	CH01-T5	69,9	2	2	2
126	14	814	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
127	15	815	CH07-T5	42,1	1	1	1
128	16	816	CH06-T5	57,6	2	1	2
129	17	817	CH01C-T5	69,7	2	2	2
130	18	818	CH01-T5	69,9	2	2	2
131	19	819	CH01-T5	69,9	2	2	2
132	20	820	CH01-T5	69,9	2	2	2
133	21	821	CH01-T5	69,9	2	2	2
134	22	822	CH01-T5	69,9	2	2	2
135	23	823	CH08-T5	37,6	1	1	1
136	24	824	CH01-T5	69,9	2	2	2
137	25	825	CH01D-T5	69,9	2	2	2
138	26	826	CH01-T5	69,9	2	2	2
139	27	827	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
140	28	828	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 9 NOXH2.2 (Tòa A3)							
141	1	901	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
142	2	902	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
143	3	903	CH01-T5	69,9	2	2	2
144	4	904	CH01D-T5	69,9	2	2	2
145	5	905	CH01-T5	69,9	2	2	2
146	6	906	CH08-T5	37,6	1	1	1
147	7	907	CH01-T5	69,9	2	2	2
148	8	908	CH01-T5	69,9	2	2	2
149	9	909	CH01-T5	69,9	2	2	2
150	10	910	CH01-T5	69,9	2	2	2
151	11	911	CH06-T5	57,6	2	1	2
152	12	912	CH06B-T5	57,3	2	1	2
153	13	913	CH01-T5	69,9	2	2	2
154	14	914	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
155	15	915	CH07-T5	42,1	1	1	1
156	16	916	CH06-T5	57,6	2	1	2
157	17	917	CH01C-T5	69,7	2	2	2
158	18	918	CH01-T5	69,9	2	2	2
159	19	919	CH01-T5	69,9	2	2	2
160	20	920	CH01-T5	69,9	2	2	2
161	21	921	CH01-T5	69,9	2	2	2
162	22	922	CH01-T5	69,9	2	2	2
163	23	923	CH08-T5	37,6	1	1	1
164	24	924	CH01-T5	69,9	2	2	2
165	25	925	CH01D-T5	69,9	2	2	2
166	26	926	CH01-T5	69,9	2	2	2
167	27	927	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
168	28	928	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 10 NOXH2.2 (Tòa A3)							
169	1	1001	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
170	2	1002	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
171	3	1003	CH01-T5	69,9	2	2	2
172	4	1004	CH01D-T5	69,9	2	2	2
173	5	1005	CH01-T5	69,9	2	2	2
174	6	1006	CH08-T5	37,6	1	1	1

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
175	7	1007	CH01-T5	69,9	2	2	2
176	8	1008	CH01-T5	69,9	2	2	2
177	9	1009	CH01-T5	69,9	2	2	2
178	10	1010	CH01-T5	69,9	2	2	2
179	11	1011	CH06-T5	57,6	2	1	2
180	12	1012	CH06B-T5	57,3	2	1	2
181	13	1013	CH01-T5	69,9	2	2	2
182	14	1014	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
183	15	1015	CH07-T5	42,1	1	1	1
184	16	1016	CH06-T5	57,6	2	1	2
185	17	1017	CH01C-T5	69,7	2	2	2
186	18	1018	CH01-T5	69,9	2	2	2
187	19	1019	CH01-T5	69,9	2	2	2
188	20	1020	CH01-T5	69,9	2	2	2
189	21	1021	CH01-T5	69,9	2	2	2
190	22	1022	CH01-T5	69,9	2	2	2
191	23	1023	CH08-T5	37,6	1	1	1
192	24	1024	CH01-T5	69,9	2	2	2
193	25	1025	CH01D-T5	69,9	2	2	2
194	26	1026	CH01-T5	69,9	2	2	2
195	27	1027	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
196	28	1028	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 11 NOXH2.2 (Tòa A3)							
197	1	1101	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
198	2	1102	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
199	3	1103	CH01-T5	69,9	2	2	2
200	4	1104	CH01D-T5	69,9	2	2	2
201	5	1105	CH01-T5	69,9	2	2	2
202	6	1106	CH08-T5	37,6	1	1	1
203	7	1107	CH01-T5	69,9	2	2	2
204	8	1108	CH01-T5	69,9	2	2	2
205	9	1109	CH01-T5	69,9	2	2	2
206	10	1110	CH01-T5	69,9	2	2	2
207	11	1111	CH06-T5	57,6	2	1	2
208	12	1112	CH06B-T5	57,3	2	1	2
209	13	1113	CH01-T5	69,9	2	2	2
210	14	1114	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
211	15	1115	CH07-T5	42,1	1	1	1
212	16	1116	CH06-T5	57,6	2	1	2
213	17	1117	CH01C-T5	69,7	2	2	2
214	18	1118	CH01-T5	69,9	2	2	2
215	19	1119	CH01-T5	69,9	2	2	2
216	20	1120	CH01-T5	69,9	2	2	2
217	21	1121	CH01-T5	69,9	2	2	2
218	22	1122	CH01-T5	69,9	2	2	2
219	23	1123	CH08-T5	37,6	1	1	1
220	24	1124	CH01-T5	69,9	2	2	2
221	25	1125	CH01D-T5	69,9	2	2	2
222	26	1126	CH01-T5	69,9	2	2	2
223	27	1127	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
224	28	1128	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 12 NOXH2.2 (Tòa A3)

225	1	1201	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
226	2	1202	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
227	3	1203	CH01-T5	69,9	2	2	2
228	4	1204	CH01D-T5	69,9	2	2	2
229	5	1205	CH01-T5	69,9	2	2	2
230	6	1206	CH08-T5	37,6	1	1	1
231	7	1207	CH01-T5	69,9	2	2	2
232	8	1208	CH01-T5	69,9	2	2	2
233	9	1209	CH01-T5	69,9	2	2	2
234	10	1210	CH01-T5	69,9	2	2	2
235	11	1211	CH06-T5	57,6	2	1	2
236	12	1212	CH06B-T5	57,3	2	1	2
237	13	1213	CH01-T5	69,9	2	2	2
238	14	1214	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
239	15	1215	CH07-T5	42,1	1	1	1
240	16	1216	CH06-T5	57,6	2	1	2
241	17	1217	CH01C-T5	69,7	2	2	2
242	18	1218	CH01-T5	69,9	2	2	2
243	19	1219	CH01-T5	69,9	2	2	2
244	20	1220	CH01-T5	69,9	2	2	2
245	21	1221	CH01-T5	69,9	2	2	2
246	22	1222	CH01-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
247	23	1223	CH08-T5	37,6	1	1	1
248	24	1224	CH01-T5	69,9	2	2	2
249	25	1225	CH01D-T5	69,9	2	2	2
250	26	1226	CH01-T5	69,9	2	2	2
251	27	1227	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
252	28	1228	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 13 NOXH2.2 (Tòa A3)

253	1	12A01	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
254	2	12A02	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
255	3	12A03	CH01-T5	69,9	2	2	2
256	4	12A04	CH01D-T5	69,9	2	2	2
257	5	12A05	CH01-T5	69,9	2	2	2
258	6	12A06	CH08-T5	37,6	1	1	1
259	7	12A07	CH01-T5	69,9	2	2	2
260	8	12A08	CH01-T5	69,9	2	2	2
261	9	12A09	CH01-T5	69,9	2	2	2
262	10	12A10	CH01-T5	69,9	2	2	2
263	11	12A11	CH06-T5	57,6	2	1	2
264	12	12A12	CH06B-T5	57,3	2	1	2
265	13	12A13	CH01-T5	69,9	2	2	2
266	14	12A14	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
267	15	12A15	CH07-T5	42,1	1	1	1
268	16	12A16	CH06-T5	57,6	2	1	2
269	17	12A17	CH01C-T5	69,7	2	2	2
270	18	12A18	CH01-T5	69,9	2	2	2
271	19	12A19	CH01-T5	69,9	2	2	2
272	20	12A20	CH01-T5	69,9	2	2	2
273	21	12A21	CH01-T5	69,9	2	2	2
274	22	12A22	CH01-T5	69,9	2	2	2
275	23	12A23	CH08-T5	37,6	1	1	1
276	24	12A24	CH01-T5	69,9	2	2	2
277	25	12A25	CH01D-T5	69,9	2	2	2
278	26	12A26	CH01-T5	69,9	2	2	2
279	27	12A27	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
280	28	12A28	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 14 NOXH2.2 (Tòa A3)

281	1	1401	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
-----	---	------	---------	------	-----	---	---

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
282	2	1402	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
283	3	1403	CH01-T5	69,9	2	2	2
284	4	1404	CH01D-T5	69,9	2	2	2
285	5	1405	CH01-T5	69,9	2	2	2
286	6	1406	CH08-T5	37,6	1	1	1
287	7	1407	CH01-T5	69,9	2	2	2
288	8	1408	CH01-T5	69,9	2	2	2
289	9	1409	CH01-T5	69,9	2	2	2
290	10	1410	CH01-T5	69,9	2	2	2
291	11	1411	CH06-T5	57,6	2	1	2
292	12	1412	CH06B-T5	57,3	2	1	2
293	13	1413	CH01-T5	69,9	2	2	2
294	14	1414	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
295	15	1415	CH07-T5	42,1	1	1	1
296	16	1416	CH06-T5	57,6	2	1	2
297	17	1417	CH01C-T5	69,7	2	2	2
298	18	1418	CH01-T5	69,9	2	2	2
299	19	1419	CH01-T5	69,9	2	2	2
300	20	1420	CH01-T5	69,9	2	2	2
301	21	1421	CH01-T5	69,9	2	2	2
302	22	1422	CH01-T5	69,9	2	2	2
303	23	1423	CH08-T5	37,6	1	1	1
304	24	1424	CH01-T5	69,9	2	2	2
305	25	1425	CH01D-T5	69,9	2	2	2
306	26	1426	CH01-T5	69,9	2	2	2
307	27	1427	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
308	28	1428	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 15 NOXH2.2 (Tòa A3)							
309	1	1501	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
310	2	1502	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
311	3	1503	CH01-T5	69,9	2	2	2
312	4	1504	CH01D-T5	69,9	2	2	2
313	5	1505	CH01-T5	69,9	2	2	2
314	6	1506	CH08-T5	37,6	1	1	1
315	7	1507	CH01-T5	69,9	2	2	2
316	8	1508	CH01-T5	69,9	2	2	2
317	9	1509	CH01-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
318	10	1510	CH01-T5	69,9	2	2	2
319	11	1511	CH06-T5	57,6	2	1	2
320	12	1512	CH06B-T5	57,3	2	1	2
321	13	1513	CH01-T5	69,9	2	2	2
322	14	1514	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
323	15	1515	CH07-T5	42,1	1	1	1
324	16	1516	CH06-T5	57,6	2	1	2
325	17	1517	CH01C-T5	69,7	2	2	2
326	18	1518	CH01-T5	69,9	2	2	2
327	19	1519	CH01-T5	69,9	2	2	2
328	20	1520	CH01-T5	69,9	2	2	2
329	21	1521	CH01-T5	69,9	2	2	2
330	22	1522	CH01-T5	69,9	2	2	2
331	23	1523	CH08-T5	37,6	1	1	1
332	24	1524	CH01-T5	69,9	2	2	2
333	25	1525	CH01D-T5	69,9	2	2	2
334	26	1526	CH01-T5	69,9	2	2	2
335	27	1527	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
336	28	1528	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 16 NOXH2.2 (Tòa A3)							
337	1	1601	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
338	2	1602	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
339	3	1603	CH01-T5	69,9	2	2	2
340	4	1604	CH01D-T5	69,9	2	2	2
341	5	1605	CH01-T5	69,9	2	2	2
342	6	1606	CH08-T5	37,6	1	1	1
343	7	1607	CH01-T5	69,9	2	2	2
344	8	1608	CH01-T5	69,9	2	2	2
345	9	1609	CH01-T5	69,9	2	2	2
346	10	1610	CH01-T5	69,9	2	2	2
347	11	1611	CH06-T5	57,6	2	1	2
348	12	1612	CH06B-T5	57,3	2	1	2
349	13	1613	CH01-T5	69,9	2	2	2
350	14	1614	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
351	15	1615	CH07-T5	42,1	1	1	1
352	16	1616	CH06-T5	57,6	2	1	2
353	17	1617	CH01C-T5	69,7	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
354	18	1618	CH01-T5	69,9	2	2	2
355	19	1619	CH01-T5	69,9	2	2	2
356	20	1620	CH01-T5	69,9	2	2	2
357	21	1621	CH01-T5	69,9	2	2	2
358	22	1622	CH01-T5	69,9	2	2	2
359	23	1623	CH08-T5	37,6	1	1	1
360	24	1624	CH01-T5	69,9	2	2	2
361	25	1625	CH01D-T5	69,9	2	2	2
362	26	1626	CH01-T5	69,9	2	2	2
363	27	1627	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
364	28	1628	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 17 NOXH2.2 (Tòa A3)

365	1	1701	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
366	2	1702	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
367	3	1703	CH01-T5	69,9	2	2	2
368	4	1704	CH01D-T5	69,9	2	2	2
369	5	1705	CH01-T5	69,9	2	2	2
370	6	1706	CH08-T5	37,6	1	1	1
371	7	1707	CH01-T5	69,9	2	2	2
372	8	1708	CH01-T5	69,9	2	2	2
373	9	1709	CH01-T5	69,9	2	2	2
374	10	1710	CH01-T5	69,9	2	2	2
375	11	1711	CH06-T5	57,6	2	1	2
376	12	1712	CH06B-T5	57,3	2	1	2
377	13	1713	CH01-T5	69,9	2	2	2
378	14	1714	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
379	15	1715	CH07-T5	42,1	1	1	1
380	16	1716	CH06-T5	57,6	2	1	2
381	17	1717	CH01C-T5	69,7	2	2	2
382	18	1718	CH01-T5	69,9	2	2	2
383	19	1719	CH01-T5	69,9	2	2	2
384	20	1720	CH01-T5	69,9	2	2	2
385	21	1721	CH01-T5	69,9	2	2	2
386	22	1722	CH01-T5	69,9	2	2	2
387	23	1723	CH08-T5	37,6	1	1	1
388	24	1724	CH01-T5	69,9	2	2	2
389	25	1725	CH01D-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
390	26	1726	CH01-T5	69,9	2	2	2
391	27	1727	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
392	28	1728	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 18 NOXH2.2 (Tòa A3)

393	1	1801	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
394	2	1802	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
395	3	1803	CH01-T5	69,9	2	2	2
396	4	1804	CH01D-T5	69,9	2	2	2
397	5	1805	CH01-T5	69,9	2	2	2
398	6	1806	CH08-T5	37,6	1	1	1
399	7	1807	CH01-T5	69,9	2	2	2
400	8	1808	CH01-T5	69,9	2	2	2
401	9	1809	CH01-T5	69,9	2	2	2
402	10	1810	CH01-T5	69,9	2	2	2
403	11	1811	CH06-T5	57,6	2	1	2
404	12	1812	CH06B-T5	57,3	2	1	2
405	13	1813	CH01-T5	69,9	2	2	2
406	14	1814	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
407	15	1815	CH07-T5	42,1	1	1	1
408	16	1816	CH06-T5	57,6	2	1	2
409	17	1817	CH01C-T5	69,7	2	2	2
410	18	1818	CH01-T5	69,9	2	2	2
411	19	1819	CH01-T5	69,9	2	2	2
412	20	1820	CH01-T5	69,9	2	2	2
413	21	1821	CH01-T5	69,9	2	2	2
414	22	1822	CH01-T5	69,9	2	2	2
415	23	1823	CH08-T5	37,6	1	1	1
416	24	1824	CH01-T5	69,9	2	2	2
417	25	1825	CH01D-T5	69,9	2	2	2
418	26	1826	CH01-T5	69,9	2	2	2
419	27	1827	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
420	28	1828	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 19 NOXH2.2 (Tòa A3)

421	1	1901	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
422	2	1902	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
423	3	1903	CH01-T5	69,9	2	2	2
424	4	1904	CH01D-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
425	5	1905	CH01-T5	69,9	2	2	2
426	6	1906	CH08-T5	37,6	1	1	1
427	7	1907	CH01-T5	69,9	2	2	2
428	8	1908	CH01-T5	69,9	2	2	2
429	9	1909	CH01-T5	69,9	2	2	2
430	10	1910	CH01-T5	69,9	2	2	2
431	11	1911	CH06-T5	57,6	2	1	2
432	12	1912	CH06B-T5	57,3	2	1	2
433	13	1913	CH01-T5	69,9	2	2	2
434	14	1914	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
435	15	1915	CH07-T5	42,1	1	1	1
436	16	1916	CH06-T5	57,6	2	1	2
437	17	1917	CH01C-T5	69,7	2	2	2
438	18	1918	CH01-T5	69,9	2	2	2
439	19	1919	CH01-T5	69,9	2	2	2
440	20	1920	CH01-T5	69,9	2	2	2
441	21	1921	CH01-T5	69,9	2	2	2
442	22	1922	CH01-T5	69,9	2	2	2
443	23	1923	CH08-T5	37,6	1	1	1
444	24	1924	CH01-T5	69,9	2	2	2
445	25	1925	CH01D-T5	69,9	2	2	2
446	26	1926	CH01-T5	69,9	2	2	2
447	27	1927	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
448	28	1928	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 20 NOXH2.2 (Tòa A3)

449	1	2001	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
450	2	2002	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
451	3	2003	CH01-T5	69,9	2	2	2
452	4	2004	CH01D-T5	69,9	2	2	2
453	5	2005	CH01-T5	69,9	2	2	2
454	6	2006	CH08-T5	37,6	1	1	1
455	7	2007	CH01-T5	69,9	2	2	2
456	8	2008	CH01-T5	69,9	2	2	2
457	9	2009	CH01-T5	69,9	2	2	2
458	10	2010	CH01-T5	69,9	2	2	2
459	11	2011	CH06-T5	57,6	2	1	2
460	12	2012	CH06B-T5	57,3	2	1	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
461	13	2013	CH01-T5	69,9	2	2	2
462	14	2014	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
463	15	2015	CH07-T5	42,1	1	1	1
464	16	2016	CH06-T5	57,6	2	1	2
465	17	2017	CH01C-T5	69,7	2	2	2
466	18	2018	CH01-T5	69,9	2	2	2
467	19	2019	CH01-T5	69,9	2	2	2
468	20	2020	CH01-T5	69,9	2	2	2
469	21	2021	CH01-T5	69,9	2	2	2
470	22	2022	CH01-T5	69,9	2	2	2
471	23	2023	CH08-T5	37,6	1	1	1
472	24	2024	CH01-T5	69,9	2	2	2
473	25	2025	CH01D-T5	69,9	2	2	2
474	26	2026	CH01-T5	69,9	2	2	2
475	27	2027	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
476	28	2028	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 21 NOXH2.2 (Tòa A3)

477	1	2101	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
478	2	2102	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
479	3	2103	CH01-T5	69,9	2	2	2
480	4	2104	CH01D-T5	69,9	2	2	2
481	5	2105	CH01-T5	69,9	2	2	2
482	6	2106	CH08-T5	37,6	1	1	1
483	7	2107	CH01-T5	69,9	2	2	2
484	8	2108	CH01-T5	69,9	2	2	2
485	9	2109	CH01-T5	69,9	2	2	2
486	10	2110	CH01-T5	69,9	2	2	2
487	11	2111	CH06-T5	57,6	2	1	2
488	12	2112	CH06B-T5	57,3	2	1	2
489	13	2113	CH01-T5	69,9	2	2	2
490	14	2114	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
491	15	2115	CH07-T5	42,1	1	1	1
492	16	2116	CH06-T5	57,6	2	1	2
493	17	2117	CH01C-T5	69,7	2	2	2
494	18	2118	CH01-T5	69,9	2	2	2
495	19	2119	CH01-T5	69,9	2	2	2
496	20	2120	CH01-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
497	21	2121	CH01-T5	69,9	2	2	2
498	22	2122	CH01-T5	69,9	2	2	2
499	23	2123	CH08-T5	37,6	1	1	1
500	24	2124	CH01-T5	69,9	2	2	2
501	25	2125	CH01D-T5	69,9	2	2	2
502	26	2126	CH01-T5	69,9	2	2	2
503	27	2127	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
504	28	2128	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

Tầng 22 NOXH2.2 (Tòa A3)

505	1	2201	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
506	2	2202	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
507	3	2203	CH01-T5	69,9	2	2	2
508	4	2204	CH01D-T5	69,9	2	2	2
509	5	2205	CH01-T5	69,9	2	2	2
510	6	2206	CH08-T5	37,6	1	1	1
511	7	2207	CH01-T5	69,9	2	2	2
512	8	2208	CH01-T5	69,9	2	2	2
513	9	2209	CH01-T5	69,9	2	2	2
514	10	2210	CH01-T5	69,9	2	2	2
515	11	2211	CH06-T5	57,6	2	1	2
516	12	2212	CH06B-T5	57,3	2	1	2
517	13	2213	CH01-T5	69,9	2	2	2
518	14	2214	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
519	15	2215	CH07-T5	42,1	1	1	1
520	16	2216	CH06-T5	57,6	2	1	2
521	17	2217	CH01C-T5	69,7	2	2	2
522	18	2218	CH01-T5	69,9	2	2	2
523	19	2219	CH01-T5	69,9	2	2	2
524	20	2220	CH01-T5	69,9	2	2	2
525	21	2221	CH01-T5	69,9	2	2	2
526	22	2222	CH01-T5	69,9	2	2	2
527	23	2223	CH08-T5	37,6	1	1	1
528	24	2224	CH01-T5	69,9	2	2	2
529	25	2225	CH01D-T5	69,9	2	2	2
530	26	2226	CH01-T5	69,9	2	2	2
531	27	2227	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
532	28	2228	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
Tầng 23 NOXH2.2 (Tòa A3)							
533	1	2301	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
534	2	2302	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
535	3	2303	CH01-T5	69,9	2	2	2
536	4	2304	CH01D-T5	69,9	2	2	2
537	5	2305	CH01-T5	69,9	2	2	2
538	6	2306	CH08-T5	37,6	1	1	1
539	7	2307	CH01-T5	69,9	2	2	2
540	8	2308	CH01-T5	69,9	2	2	2
541	9	2309	CH01-T5	69,9	2	2	2
542	10	2310	CH01-T5	69,9	2	2	2
543	11	2311	CH06-T5	57,6	2	1	2
544	12	2312	CH06B-T5	57,3	2	1	2
545	13	2313	CH01-T5	69,9	2	2	2
546	14	2314	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
547	15	2315	CH07-T5	42,1	1	1	1
548	16	2316	CH06-T5	57,6	2	1	2
549	17	2317	CH01C-T5	69,7	2	2	2
550	18	2318	CH01-T5	69,9	2	2	2
551	19	2319	CH01-T5	69,9	2	2	2
552	20	2320	CH01-T5	69,9	2	2	2
553	21	2321	CH01-T5	69,9	2	2	2
554	22	2322	CH01-T5	69,9	2	2	2
555	23	2323	CH08-T5	37,6	1	1	1
556	24	2324	CH01-T5	69,9	2	2	2
557	25	2325	CH01D-T5	69,9	2	2	2
558	26	2326	CH01-T5	69,9	2	2	2
559	27	2327	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
560	28	2328	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 24 NOXH2.2 (Tòa A3)							
561	1	2401	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
562	2	2402	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
563	3	2403	CH01-T5	69,9	2	2	2
564	4	2404	CH01D-T5	69,9	2	2	2
565	5	2405	CH01-T5	69,9	2	2	2
566	6	2406	CH08-T5	37,6	1	1	1
567	7	2407	CH01-T5	69,9	2	2	2

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
568	8	2408	CH01-T5	69,9	2	2	2
569	9	2409	CH01-T5	69,9	2	2	2
570	10	2410	CH01-T5	69,9	2	2	2
571	11	2411	CH06-T5	57,6	2	1	2
572	12	2412	CH06B-T5	57,3	2	1	2
573	13	2413	CH01-T5	69,9	2	2	2
574	14	2414	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
575	15	2415	CH07-T5	42,1	1	1	1
576	16	2416	CH06-T5	57,6	2	1	2
577	17	2417	CH01C-T5	69,7	2	2	2
578	18	2418	CH01-T5	69,9	2	2	2
579	19	2419	CH01-T5	69,9	2	2	2
580	20	2420	CH01-T5	69,9	2	2	2
581	21	2421	CH01-T5	69,9	2	2	2
582	22	2422	CH01-T5	69,9	2	2	2
583	23	2423	CH08-T5	37,6	1	1	1
584	24	2424	CH01-T5	69,9	2	2	2
585	25	2425	CH01D-T5	69,9	2	2	2
586	26	2426	CH01-T5	69,9	2	2	2
587	27	2427	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
588	28	2428	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
Tầng 25 NOXH2.2 (Tòa A3)							
589	1	2501	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
590	2	2502	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
591	3	2503	CH01-T5	69,9	2	2	2
592	4	2504	CH01D-T5	69,9	2	2	2
593	5	2505	CH01-T5	69,9	2	2	2
594	6	2506	CH08-T5	37,6	1	1	1
595	7	2507	CH01-T5	69,9	2	2	2
596	8	2508	CH01-T5	69,9	2	2	2
597	9	2509	CH01-T5	69,9	2	2	2
598	10	2510	CH01-T5	69,9	2	2	2
599	11	2511	CH06-T5	57,6	2	1	2
600	12	2512	CH06B-T5	57,3	2	1	2
601	13	2513	CH01-T5	69,9	2	2	2
602	14	2514	CH02D-T5	69,1	2+1	2	2
603	15	2515	CH07-T5	42,1	1	1	1

STT		Mã căn hộ	Mã Hình thức	Diện tích sử dụng thông thủy (m2)	Số phòng ngủ	Số vệ sinh	Số logia
604	16	2516	CH06-T5	57,6	2	1	2
605	17	2517	CH01C-T5	69,7	2	2	2
606	18	2518	CH01-T5	69,9	2	2	2
607	19	2519	CH01-T5	69,9	2	2	2
608	20	2520	CH01-T5	69,9	2	2	2
609	21	2521	CH01-T5	69,9	2	2	2
610	22	2522	CH01-T5	69,9	2	2	2
611	23	2523	CH08-T5	37,6	1	1	1
612	24	2524	CH01-T5	69,9	2	2	2
613	25	2525	CH01D-T5	69,9	2	2	2
614	26	2526	CH01-T5	69,9	2	2	2
615	27	2527	CH02-T5	68,7	2+1	2	2
616	28	2528	CH02-T5	68,7	2+1	2	2

MẶT BẰNG CĂN HỘ
NHÀ A3

